TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: **37**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2018
Về việc:"Ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Thìn**
Ông **Giang Công Chiến**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Bà **Bùi Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2018/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-DS ngày 11/9/2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà 402, đội 1, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B. (có mặt)

*Bị đơn: anh **Lê Diên M**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà 402, đội 1, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 6 năm 2018, bản tự khai chị Nguyễn Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị G và anh Lê Diên M chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) vào năm 1996. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh M không quan tâm đến gia đình, thường hay ăn nhậu rồi về nhà có những lời lẽ xúc phạm, đánh chị G. Chị G đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M vẫn không thay đổi, điều đó làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 02/2018 cho đến nay, chị G và anh M sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, chị G xác định tình cảm dành cho anh M đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Diên M.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị G và anh M có 03 con chung tên: Lê Diên M1, sinh năm 1997, Lê Thị M2, sinh năm 1999 và Lê Diện M3, sinh năm 2012. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê

Diên M3 và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu M3 trưởng thành. Ngày 28/6/2018, chị G có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị G không có yêu cầu nào khác.

-Bị đơn anh Lê Diên M vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thâm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Thời hạn thụ lý và giải quyết đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G và anh Lê Diên M; Về con chung, đề nghị đình chỉ việc giải quyết yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng do nguyên đơn rút yêu cầu; Tài sản chung và các vấn đề khác: đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con với anh Lê Diên M và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ngày 28/6/2018, chị G có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Lê Diên M cư trú tại đội 1, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị G và anh Lê Diên M nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét cần áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Lê Diên M.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Lê Diên M chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) vào năm 1996.

Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống gia đình; anh M thường xuyên rượu chè, không làm chủ được bản thân nên hay có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị G làm cho hạnh phúc gia đình bị rạn vỡ, tình cảm vợ chồng bị tổn thương nghiêm trọng. Chị G và anh M không tìm cách giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hôn nhân nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, từ chỗ ly thân dẫn đến ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh M không đến chứng tỏ anh M cũng không thiện chí đoàn tụ gia đình cùng chị G. Tại phiên tòa chị G vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị G xin được ly hôn với anh M là có cơ sở được chấp nhận. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Lê Diên M là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị G và anh M có chung 03 con là Lê Diên M1, sinh năm 1997, Lê Thị M2, sinh năm 1999 và Lê Diên M3, sinh năm 2012. Trước đây chị G có yêu cầu xin được nuôi con Lê Diên M3 và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 28/6/2018, chị G có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Xét đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị G là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trên.

[3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Lê Diên M.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị G.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng*), chị Nguyễn Thị G phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024779, ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
-UBND xã Lai Uyên (cqđkkh);
-Các đương sự;
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương